

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 66/2019/DS-ST

Ngày 23-8-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2018/TLST- DS ngày 10/9/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXX-ST ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T – có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H - vắng mặt

Địa chỉ: Đường N, tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông T là chủ đại lý cà phê L. Ngày 26/3/2016 ông Lê Văn H có bán cho ông T 1.000 kg cà phê nhân xô quy chuẩn với giá 40.000 đồng/ kg, hẹn đến ngày 20/12/2016

sẽ giao hàng, ông T đã giao đủ số tiền 40.000.000 đồng cho ông H, ông H có viết giấy chốt nợ cà phê, cho đến nay ông H vẫn không giao cà phê cho ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông Lê Văn H giao trả cho ông T 1000kg cà phê nhân xô quy chuẩn tính thành tiền tại thời điểm xét xử. Khi tới chốt cà phê, ông H đi một mình, nên ông T chỉ yêu cầu cá nhân ông H phải trả cho ông T số cà phê trên, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của ông T, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định; Tại Kết luận giám định số: 57/PC09 ngày 21/6/2019 đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn H trong giấy chốt nợ cà phê đề ngày 26/3/2016 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn H trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành pháp luật chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Buộc ông Lê Văn H trả cho ông Phạm Văn T 1000 kg cà phê nhân xô quy chuẩn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn H không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Theo yêu cầu của ông T, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Lê Văn H trong giấy chốt nợ cà phê đề ngày 26/3/2016 mà ông T giao nộp cho tòa án so với chữ ký và chữ viết của ông Lê Văn H trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyên

nhượng là Lê Văn H và Nguyễn Thị N với bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Minh H1 và Ngô Thị Thanh T1 được văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 03/10/2017. Tại bản kết luận giám định số: 57/PC 09 ngày 21/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Văn H trong giấy chốt nợ cà phê mà ông T giao nộp cho Tòa so với mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra; Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Ngày 26/3/2016 ông Lê Văn H có nhận của ông Phạm Văn T 40.000.000 đồng để bán cho ông T 1000 kg cà phê nhân xô quy chuẩn, hạn 20/12/2016 giao cà phê, đến nay ông H chưa giao cà phê cho ông T là ông H đã vi phạm nghĩa vụ của bên bán; Do đó ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải giao trả cho ông T 1000 kg cà phê nhân quy chuẩn là có căn cứ và để đảm bảo cho việc thi hành án được thuận lợi thì tính giá trị cà phê thành tiền tại thời điểm xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông H giao trả cho ông T 1000 kg cà phê quy chuẩn tính thành tiền là phù hợp theo quy định tại Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí và chi phí giám định: Giá cà phê nhân xô ngày 23/8/2019 là 33.500 đồng/kg; Do đó 1000 kg cà phê nhân xô quy chuẩn có giá 33.500.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Văn H phải chịu: 33.500.000 đồng x 5% = 1.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Buộc ông Lê Văn H giao trả cho ông Phạm Văn T 1000 kg cà phê nhân quy chuẩn tính thành tiền là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn T 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí anh Phạm Ngọc T2 đã nộp thay ông Phạm Văn T tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0008012 ngày 06/9/2018.

- Về chi phí giám định: Ông Lê Văn H phải chịu 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định; ông Phạm Văn T được nhận lại 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ ông Lê Văn H.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư